TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **01**/2021/QĐST-DS	*Sóc Trăng, ngày 23 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn***:** Ông Trần Khánh T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số B, Quốc lộ M, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn***:** Ông Lâm Thanh H, sinh năm 1954; địa chỉ: Số H, Quốc lộ M, khóm M, phường B, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

** Người đại diện hợp pháp của ông Lâm Thanh H:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Số M, đường H, khóm S, phường S, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:**

1/. Bà Trung Thị S, sinh năm 1956; địa chỉ: Số H, Quốc lộ M, khóm M, phường B, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

2/. Bà Dương Thị Kim C, sinh năm 1954; địa chỉ: Số B, Quốc lộ M, khóm B, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Các đương sự thống nhất phần đất tranh chấp thuộc thửa số 208, cùng tờ bản đồ số 22 (diện tích đo đạc thực tế là 58,5m^2), tọa lạc tại khóm 7, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng có tổng giá trị là 8.775.000 đồng.

2. Các đương sự thống nhất với nhau về việc ông Trần Khánh T và bà Dương Thị Kim C đồng ý công nhận cho ông Lâm Thanh H, bà Trung Thị S được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp (có diện tích 58,5m^2) và các tài sản gắn liền với đất, thuộc một phần thửa đất số 208, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm 7, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng theo kết quả đo đạc thực tế của Tòa án nhân

dân tỉnh Sóc Trăng tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/12/2019, có số đo, tứ cận cụ thể như sau:

- Hướng đông giáp Trần Khánh T, Lâm Thanh H có số đo 1,78m + 16,32m;

- Hướng tây giáp Nguyễn Quốc T có số đo 16,25m;

- Hướng nam giáp Văn Đình P có số đo 6,5m;

- Hướng bắc giáp Lâm Thanh H có số đo 0m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Diện tích đất 58,5m^2 nêu trên hiện nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm 7, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) cấp cho hộ ông Lý Sương ngày 21/3/2002, nay đã chuyển nhượng toàn bộ cho ông Trần Khánh T ngày 16/01/2003.

Ông Lâm Thanh H, bà Trung Thị S liên hệ cơ quan chuyên môn để điều chỉnh cập nhật phần diện tích đất tranh chấp 58,5m^2 hiện nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm 7, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lâm Thanh H, bà Trung Thị S ngày 21/3/2002, thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm 7, phường H, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng theo sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo.

3. Về án phí: Ông Trần Khánh T, bà Dương Thị Kim C và ông Lâm Thanh H, bà Trung Thị S thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

3.1. Hoàn trả cho ông Trần Khánh T tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.250.000 đồng, theo biên lại thu số 0004814 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Hoàn trả cho ông Lâm Thanh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002850 ngày 11/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

4. Về các phí tố tụng khác: Ông Trần Khánh T đồng ý chịu toàn bộ số tiền là 14.350.000 đồng, ông T đã hoàn thành nghĩa vụ nộp chi phí tố tụng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS.

THẨM PHÁN

Đã ký

Hồ Văn Phụng